

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 8 - 2025

V/v hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ - HPT ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu H** sinh năm 19xx;

- Bị đơn: Anh **Vũ Ngọc H1** sinh năm 19xx;

Địa chỉ: Thôn L, xã D, tỉnh Hưng Yên.

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Ngọc H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên) ngày 28/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 11/9/2019 thì anh H1 vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ ngày 20/10/2024, anh H1 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương thì hai vợ chồng có gặp lại nhau nhưng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp và không có tiếng nói chung nên chị thấy không thể đoàn tụ chung sống cùng anh H1 được nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn với anh Vũ Ngọc H1.

Về con chung: Chị và anh H1 vợ chồng có 01 con chung là Vũ Nhật M sinh ngày 06/8/2018. Từ khi sống ly thân con chung do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con chung. Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, chị và anh H1 đã tự thỏa thuận với nhau về tài sản và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án cụ thể như sau:

Giao cho chị Lê Thị Thu H được toàn quyền sở hữu căn hộ N2 - 3A10-B2 thuộc Dự án Nhà ở xã hội (Khu C, dự án khu dân cư xã Vũ Phúc) có diện tích sử dụng 39,1 m² nằm trên thửa đất số 1047 tờ bản đồ địa chính số 1, địa chỉ xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là xã Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên) diện tích thửa đất 11.301,2 m²; đã được Văn phòng Đăng ký đất đai Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AA00528875, số vào sổ cấp GCN: VP19797 ngày 20/3/2025 mang tên Vũ Ngọc H1 và Lê Thị Thu H.

** Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Vũ Ngọc H1 trình bày:*

Anh nhất trí với toàn bộ nội dung về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H vừa trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2019, anh có vi phạm pháp luật, trong quá trình anh chấp hành án thì chị H và gia đình vẫn đến thăm gặp anh. Đến ngày 15/10/2024, anh chấp hành xong án trở về với gia đình thì anh và chị H có chung sống được 2 ngày sau đó xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn quan điểm của anh là đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Vũ Nhật M, sinh ngày 06/8/2018, hiện nay con chung đang do chị H nuôi dưỡng. Ban đầu, anh có nguyện vọng nuôi con chung, nhưng sau đó xét thấy con chung đang ở cùng mẹ nên anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng để giữ sự ổn định trong sinh hoạt, học tập cho con chung. Anh chỉ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.200.000 đồng. Lý do anh không cấp dưỡng nuôi con chung như yêu cầu của chị H là do anh đang làm công nhân, thu nhập thấp, mỗi tháng chỉ từ 5.800.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh đồng quan điểm với chị H, yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận của anh chị về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là từ bỏ quyền của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 47, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 212, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, d khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lê Thị Thu H ly hôn anh Vũ Ngọc H1; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Nhật M. Buộc anh Vũ Ngọc H1 cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung: Ghi nhận việc tự thỏa thuận của chị H và anh H1 trong bản án. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi thường trú tại xã Thái Xuyên, tỉnh Thái Bình nay là xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi thường trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có mặt, anh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 28/02/2018. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến cả hai sống ly thân trong thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh H1. Anh H1 có ý kiến thể hiện đồng ý ly hôn và vắng mặt khi Tòa án tiến hành hòa giải, chứng tỏ anh H1 không còn tha thiết đoàn tụ với chị H. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 đều xác định vợ chồng anh chị

có một con chung là Vũ Nhật M, sinh ngày 06/8/2018, hiện nay con chung đang do chị H nuôi dưỡng, sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng; anh H1 chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.200.000 đồng/tháng với lý do thu nhập bình quân khoảng 5.800.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: theo các Điều 82, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên; mức cấp dưỡng được xác định căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và khả năng thực tế của người có nghĩa vụ. Tại khu vực nơi cư trú của anh H1 và chị H (trước đây thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình), mức lương tối thiểu vùng hiện hành là 3.850.000 đồng/tháng; do đó, mức cấp dưỡng tối thiểu cần bảo đảm bằng khoảng 1/2, tức 1.925.000 đồng/tháng. Số tiền 1.200.000 đồng/tháng mà anh H1 tự nguyện là chưa đáp ứng chuẩn tối thiểu này và không bảo đảm nhu cầu sinh hoạt, học tập, chăm sóc y tế thiết yếu của con. Với mức thu nhập bình quân của anh H1, khoản cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng tương đương khoảng một phần ba thu nhập, không vượt quá khả năng thực tế, đồng thời phù hợp hơn với nhu cầu thiết yếu của con. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, phương thức định kỳ hằng tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh H1 và chị H đã nộp cho Tòa án văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân lập ngày 18/4/2025 có lời chứng của Văn phòng công chứng và đơn đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án. Xét thấy việc các đương sự tự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, các đương sự đã tự thỏa thuận về tài sản trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí chia tài sản.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 47, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 212, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, d khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị Thu H ly hôn anh Vũ Ngọc H1.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Nhật M, sinh ngày 06/8/2018. Anh Vũ Ngọc H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) 01 tháng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Giao cho chị Lê Thị Thu H được toàn quyền sở hữu căn hộ N2 - 3A10-B2 thuộc Dự án Nhà ở xã hội (Khu C, dự án khu dân cư xã Vũ Phúc) có diện tích sử dụng 39,1 m² nằm trên thửa đất số 1047 tờ bản đồ địa chính số 1, địa chỉ xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là xã Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên) diện tích thửa đất 11301,2 m²; đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AA00528875, số vào sổ cấp GCN: VP19797 ngày 20/3/2025 mang tên Vũ Ngọc H1 và Lê Thị Thu H.

4. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002463 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí. Anh Vũ Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đông Thái Ninh (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

